

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1116/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/9/2020  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông L T H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Ch
2. Ông Lê Viết Đ

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1452/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1452/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 565/2020/QĐST-HNGĐ ngày 9/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994- Xin vắng mặt

Địa chỉ: 140/16 ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1994- Vắng mặt

Địa chỉ: 140/16 ấp 3, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 10 năm 2019, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn L quen nhau do tự tìm hiểu, tiến tới xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 276/2017 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2017. Thời gian

chung sống vợ chồng không hạnh phúc do ông L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông L vẫn không thay đổi. Ngoài ra, ông L còn thường xuyên nhả tin đe dọa gia đình Bà. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàng gấn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn là ông Phạm Văn L đã được tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể hiện ý kiến gì.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### 1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn L. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn là ông Phạm Văn L cư trú tại địa bàn huyện H nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền giải quyết.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

#### 2. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn L sống chung có đăng ký kết hôn hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 276/2017 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2017. Thời gian chung

sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính tình. Ngoài ra ông L còn đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng có thời gian dài sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay. Mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà L yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Ông Phạm Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định. Ông L không đến Tòa trình bày ý kiến, không cung cấp được chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn ông L của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Bà L khai không có nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà L khai không có nên không xem xét.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn L.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0074184 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận :**

- TANDTP.Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện H;
- THA Dân sự huyện H;
- UBND X. Đông Thạnh, H.H;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L T H